| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THUẬN AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 02 – 2024
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Trần Ngọc Phương

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Trung Hiếu- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:*** Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 1115/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà VTH, sinh năm 1987; thường trú: 249C/3 khu phố TL, phường AT, thành phố TA, tỉnh B, có mặt.

- Bị đơn: Ông NHB, sinh năm 1982; thường trú: 249C/3 khu phố TL, phường AT, thành phố TA, tỉnh B, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2023, bản tự khai ngày 06/12/2023, 18/12/2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn bà VTH trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông NHB tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường An Thạnh, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương, giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 13/01/2012 có tổ chức lễ cưới, được sự đồng ý của gia đình hai bên.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau và ông B không chí thú làm ăn, bản thân bà lo làm kinh tế để trang trải cuộc sống gia đình. Bà và ông B đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông NHB

+ Về con chung: Có 02 con chung tên NHGP, sinh ngày 06/10/2013 và NHTK, sinh ngày 09/01/2015. Bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/01 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 24/01/2024 và tại phiên toà bị đơn ông NHB trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà Hiền về thời gian, điều kiện kết hôn. Ông xác định vợ chồng không có mẫu thuẫn trầm trọng gì, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, vì bà H làm bên dịch vụ không có thời gian chăm sóc cho các con, bản thân ông vừa làm kinh tế vừa là người chăm sóc, đưa rước các con học hành, do đó bà H yêu cầu được ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Có 02 con chung NHGP, sinh ngày 06/10/2013 và NHTK, sinh ngày 09/01/2015. Trường hợp toà án giải quyết cho bà H được ly hôn thì ông B yêu cầu được được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi 01 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, tổng cộng 6.000.000 đồng/01 tháng/02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Do ông và bà H chưa thoả thuận được tài sản chung, nợ chung nên ông không đồng ý ly hôn, khi nào thoả thuận xong tài sản chung, nợ chung thì mới đồng ý giải quyết vấn đề ly hôn nhưng ông không nộp đơn để yêu cầu giải quyết vấn đề này.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông NHB có cư trú tại địa chỉ 249C/3 khu phố Thạnh Lợi, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ

luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu giải quyết con chung không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nợ chung. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường An Thạnh, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương, giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 13/01/2012, do đó hôn nhân của bà H và ông B là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng địa phương không rõ. Bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau; ông B không chí thú làm ăn, bản thân bà lo làm kinh tế để trang trải cuộc sống gia đình. Bà và ông B đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Ông B trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, vì bà H làm bên dịch vụ không có thời gian chăm sóc cho các con, bản thân ông vừa làm kinh tế vừa là người chăm sóc, đưa rước các con học hành. Tại phiên toà bà H và ông B thống nhất trước đây bà H đã từng nộp đơn ly hôn đến toà, bản thân ông cũng ký vào giấy cam kết ngày 27/10/2019 vì thương các con. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông B không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, đây là lần thứ 2 bà H nộp đơn ly hôn với ông B, do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 con chung tên NHGP, sinh ngày 06/10/2013 và NHTK, sinh ngày 09/01/2015. Tại phiên toà bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/01 con chung,tổng cộng 6.000.000 đồng/01 tháng/02 con chung. Cháu P và cháu K đều có nguyện vọng được sống với ông B, đồng thời ông B có ý kiến đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung NHGP, sinh ngày 06/10/2013 và NHTK, sinh ngày 09/01/2015 cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, bà H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 01 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, tổng cộng 6.000.000 đồng/01 tháng /02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà VTH đối với bị đơn ông NHB.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà VTH được ly hôn với ông NHB.

- Về con chung: Giao con chung NHGP, sinh ngày 06/10/2013 và NHTK, sinh ngày 09/01/2015 cho ông NHB trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà VTH có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 01 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, tổng cộng 6.000.000 đồng/01 tháng/02 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà VTH phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001765 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục

Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Bà VTH còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS tp Thuận An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**Vũ Thị Nhâm**